

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 7 - 2023

V/v tranh chấp ly hôn và con chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Trang

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Chính, ông Nguyễn Ngọc Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nữ H Yến – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại phòng xử án - Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 481/2023/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn và con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 119/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lò Thị G – sinh năm 1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã N1, huyện N2, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Xuân H – sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 8, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai nguyên đơn, bà Lò Thị G trình bày:**

Bà Lò Thị G và ông Lê Xuân H tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk từ năm 2012. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói

chung, ngoài ra ông H còn đánh đập bà G. Hiện bà G và ông H đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên không thể hàn gắn, bà G đề nghị Tòa án giải quyết cho bà G được ly hôn ông Lê Xuân H.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Lê Xuân T – sinh ngày 12/2/2012. Hiện nay cháu T đang sống trực tiếp với ông H, điều kiện kinh tế của bà G gặp nhiều khó khăn nên bà G đề nghị Tòa án giao cháu T cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà G tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà G tự nguyện nộp án phí theo quy định pháp luật.

- Bị đơn ông Lê Xuân H trình bày:

Tôi và bà Lò Thị G kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 22/02/2012 tại UBND xã H, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ tôi có mối quan hệ ngoài luồng với người khác, vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2021 cho tới nay.

Nay vợ tôi xin ly hôn thì tôi không đồng ý, tôi muốn đoàn tụ gia đình vì còn chăm sóc con chung.

Về con chung có 01 con chung là cháu Lê Xuân T, sinh ngày 02/12/2012. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu bà G cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu T đủ tuổi thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột trình bày:**

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lò Thị G. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lò Thị G được ly hôn với ông Lê Xuân H. Về con chung: Giao cháu Lê Xuân T 02/12/2012 cho bố là ông Lê Xuân H chăm sóc nuôi dưỡng tới tuổi trưởng thành.

Bà Lò Thị G được quyền thăm nom chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lò Thị G phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lò Thị G yêu cầu ly hôn với ông Lê Xuân H, địa chỉ cư trú tại xã Hòa Khánh, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “*Tranh chấp ly hôn và con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn bà Lò Thị G đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lò Thị G và ông Lê Xuân H tự nguyện tìm hiểu, đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn vào ngày 22/02/2012 tại UBND xã Hòa Khánh, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Bà Lò Thị G và ông Lê Xuân H chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Bà G và ông H đều xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau từ năm 2021 cho tới nay, không hàn gắn được. Tuy nhiên, ông H không đồng ý ly hôn và muốn đoàn tụ gia đình để chăm sóc con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, việc bà Lò Thị G xét thấy không còn tình cảm với ông Lê Xuân H, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, dẫn đến mâu thuẫn cuộc sống kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Lò Thị G, cho bà Lò Thị G được ly hôn với ông Lê Xuân H.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Lò Thị G và ông Lê Xuân H có 01 con chung là Lê Xuân T 02/12/2012. Hiện cháu đang ở với bố nên ông H có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cháu tới tuổi trưởng thành. Quá trình giải quyết vụ án bà G cũng có nguyện vọng được giao cháu T cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Tại bản tự khai cháu T có nguyện vọng xin được ở với bố. Nên Hội đồng xét xử xét thấy việc ông H có nguyện vọng nuôi con là phù hợp với thực tế và đảm bảo được quyền và lợi ích của con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu Lê Xuân T, sinh ngày 02/12/2012 cho bố là ông Lê Xuân H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lò Thị G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Xuân T 02/12/2012 hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 08 năm 2023 cho đến khi cháu T đủ tuổi trưởng thành.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Lò Thị G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, bị đơn ông Lê Xuân H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lò Thị G

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lò Thị G được ly hôn với ông Lê Xuân H.

2. Về con chung:

Giao cháu Lê Xuân T, sinh ngày 02/12/2012 cho bố là ông Lê Xuân H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi)

Bà Lò Thị G được quyền thăm nom chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lò Thị G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Xuân T, sinh ngày 02/12/2012 hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 08 năm 2023 cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành

4. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết

5. Về án phí: Bà Lò Thị G phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà Lò Thị Hương nộp thay Lò Thị G theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2022/0002086 ngày 29/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột. Sau khi khấu trừ bà Lò Thị G còn phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*)

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi Cục THADS Tp. BMT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- *Đương sự;*
- *UBND xã H;*
- *Lưu hồ sơ tại tòa án.*

Lê Thị Hoài Trang

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 13 tháng 02 năm 2023.

Tại: Phòng nghị án – Trụ sở tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắc Lắc.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Cúc

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Phương Thảo và bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 889/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn và con chung”, giữa:

Nguyên đơn bà H'Mrai Ê Ban

Bị đơn ông Y Plot BYă

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật⁽⁸⁾.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

I. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Biểu quyết 3/3=100% nhất trí

II. Về nội dung

Tuyên xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H'Mrai Êban

Biểu quyết 3/3=100% nhất trí

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà H'Mrai Ê Ban được ly hôn với ông Y Plot BYã

Biểu quyết 3/3=100% nhất trí

2. Về con chung:

Giao cháu Y Khuron Êban, sinh ngày 23/8/2007; cháu H Lan Êban, sinh ngày 23/4/2013; cháu Y Ga Êban, sinh ngày 11/11/2018 cho mẹ là bà H'Mrai ÊBan chăm sóc nuôi dưỡng tới tuổi trưởng thành.

Ông Y Plot BYã được quyền thăm nom chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở.

Biểu quyết 3/3=100% nhất trí

3. Về cấp dưỡng: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Biểu quyết 3/3=100% nhất trí

4. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết

Biểu quyết 3/3=100% nhất trí

5. Về án phí: Bà H'Mrai ÊBan phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà H'Mrai Ê Ban đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2021/0021587 ngày 12/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Biểu quyết 3/3=100% nhất trí

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Biểu quyết 3/3=100% nhất trí

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày tháng năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hoài Trang

Nơi nhận

- Các đương sự (để thi hành).
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột.
- Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột.
- Lưu hồ sơ, vi tính.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thành